

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM TRỰC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Quang

Bà Ngô Thị Thanh

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**Bị đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn ngày 27 tháng 01 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T chơi bời, phá phách, một mình chị phải làm lo cho gia đình, khi nói đến kinh tế thì anh T lại đánh chửi, vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng, đồng thời động viên khuyên giải chồng, nhưng anh T không khắc phục, sửa chữa. Từ tháng 01/2020 chị và anh T đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn T;

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Vũ Thanh T, sinh ngày 16/8/2008 và Vũ Đức C, sinh ngày 16/4/2011, các cháu đang ở với anh T. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty may Việt Ban trụ sở tại xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định, thu nhập hằng tháng từ 5,5 triệu đến 06 triệu đồng, nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Trường hợp anh T không đồng ý giao 02 con cho chị nuôi, thì chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin được trực tiếp nuôi cháu C và giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung và công nợ chung nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/4/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do tính cách trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của gia đình. Đến tháng 01/2020 không hiểu sao chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh có tìm chị H và gọi điện động viên chị H suy nghĩ lại quay về vợ chồng chung sống nhưng chị H không nghe, cũng từ đó anh và chị H sống ly thân. Đến nay anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nên anh không đồng ý ly hôn với chị H. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, thì tình cảm vợ chồng không còn khả năng níu kéo nên anh sẽ nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung họ tên và ngày tháng năm sinh như chị H trình bày là đúng, hiện các cháu đang ở với anh. Nếu phải ly hôn anh nhất trí với sự tự nguyện của chị H, giao 02 con chung là cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 16/8/2008 và cháu Vũ Đức C, sinh ngày 16/4/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung và công nợ chung nhưng anh không đề nghị Tòa án giải quyết, mà yêu cầu chị H là người khởi kiện thì chị H phải có đơn đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu, quan điểm đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T, đồng thời giải quyết việc nuôi con chung khi chị và anh T ly hôn. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh T không đồng ý ly hôn chị H vì vấn đề tài sản chưa được giải quyết; về con chung: Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con chung vì anh không muốn các con anh phải thay đổi môi trường sống và mỗi đứa một nơi.

Hiện nay anh đang làm thuê nấu ăn trên Hà Nội thu nhập hằng tháng từ 10 đến 12 triệu đồng, nên anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 16/8/2008 cho anh T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Đức C, sinh ngày 16/4/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 01 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Vũ Văn T thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nhưng về vấn đề tài sản chung chưa được giải quyết nên anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Vũ Văn T của chị Nguyễn Thị H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Các đương sự có 02 con chung là cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 16/8/2008 và cháu Vũ Đức C, sinh ngày 16/4/2011 hiện các cháu đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, chị H và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng. Trường hợp 01 bên không đồng ý thì chị H đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin được nuôi cháu C và không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, đề nghị của các đương sự, nguyện vọng của con, nhằm đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, chị H đề nghị giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Vũ Đức C và giao anh T nuôi cháu Vũ Thanh T; chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là có căn cứ, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp quy định các tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Anh T có trách nhiệm giao cháu Vũ Đức C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

[3] Về tài sản: Quá trình tố tụng tại Tòa án các đương sự đều thừa nhận vợ chồng có tài sản chung và công nợ chung. Anh T mong muốn được giải quyết trong cùng vụ án, nhưng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải anh T không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, anh cho rằng chị H là nguyên đơn nên chị H phải có đơn đề nghị Tòa án giải về tài sản, thì anh mới đồng ý ly hôn chị H. Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2020 và đơn đề nghị ngày 13/5/2020 chị H giữ nguyên quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên Tòa án không đặt ra xem xét, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của anh T không có căn cứ để chấp nhận. Việc giải quyết chia tài sản của chị H và anh T sẽ được xem xét bằng một vụ, việc dân sự khác nếu các đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Xử giao cháu Vũ Thanh T, sinh ngày 16/8/2008 cho anh Vũ Văn T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Đức C, sinh ngày 16/4/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T có trách nhiệm giao cháu Vũ Đức C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng;

Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp

theo Biên lai số 0001109, ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, chị Hoa đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thị Ánh**